

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐDIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/08/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+P1+P10	7:25	12+10+0	0+0+0		0+9+13	0+0+0	
2		P3+AMD	7:25	12+10	0+0		3+19	0+0	
3		P4 + <del>P5</del>	7:25	22	0		22	0	
4		P7+VSP01	7:25	14+4	0+0		14+4	0+0	puma
5		P4+P3	9:25	9+13	0+0		8+13	0+0	
6		AMD+P5+BK6	9:25	5+14+1	0+0+0		2+19+1	0+0+0	
7		TD5+CLO+CTK3	9:25	22+0+0	0+0+0		9+1+12	0+0+0	
8		TD5+SAVR+RCS	9:25	8+8+0	0+0+0		6+5+8	0+0+0	puma
9		MRM+P1	11:25	3+18	0+0		0+21	0+0	
10		TD1+AMD	12:25	2+15	0+0		2+16	0+0	ec225
11		RC10+RP2+P2	13:25	0+10+11	0+0+0		0+2+16	0+0+0	chuyen 1 rc10-rp2

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: TRANG-1	TO:CTK3 - P1 - P10	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/3191	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN ANH DƯƠNG	CTK3						70	CỤC ĐĂNG	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA	CTK3						65	CỤC ĐĂNG	Vietnamese
3	VÕ THANH BÌNH	CTK3						76	CỤC ĐĂNG	Vietnamese
4	NGUYỄN HỒNG VIỆT	CTK3						74	CỤC ĐĂNG	Vietnamese
5	TRẦN MINH ĐỨC	CTK3						70	CỤC ĐĂNG	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3						69	CỤC ĐĂNG	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC THĂNG	CTK3						83	CỤC ĐĂNG	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC TUÂN	CTK3						76	CHI CỤC Đ	Vietnamese
9	NGUYỄN HỒNG GIANG	CTK3	63	1	6			67	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SỞ	CTK3	62	1	3			50	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ THẾ ANH	CTK3	61	1	15			60	XAYLAP	Vietnamese
12	LE XUÂN KHOE	CTK3	64-65	2	18			68	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ HUY TÂM	P1	04	1	4	1	10	54	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN XUÂN LANH	P1	02	1	10			72	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH VĂN THĂNG	P1	05	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN ĐĂNG QUANG	P1	08	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ NGỌC HAI	P1	07	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐỒNG VĂN THỊNH	P1	09	1	7			87	KH-THAC	Vietnamese
19	DƯƠNG HOANG HIỆU	P1	06	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN KHÁNH DUY	P1						75	KH-THAC	Vietnamese
21	VI KHÁC THANH	P1	10	1	3			67	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ QUANG TIẾN	P1	03	1	3			59	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	12	828	5	42	0	0	0		
2	P1	10	681	9	52	1	10	9		
3	P10	0	0	0	0	0	0	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.509</b>	<b>14</b>	<b>94</b>	<b>1</b>	<b>10</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.509</b>		<b>94</b>		<b>10</b>			

GRAND TOAL: 1.613 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

HOÀNG THỊ THỦY

CREW

BÙI HOÀNG DƯƠNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



VIETSOVPETRO

DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P3 - AMD	CREW: LINH - SON - TOAN	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/3185	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	P3	67	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ VĂN QUANG	P3	75	1	10	2	17	70	T-TIN	Vietnamese
3	ĐOÀN MINH QUỐC	P3	72	1	5	2	27	76	T-TIN	Vietnamese
4	CHAU ĐÌNH TŨ	P3	82	1	3	2	40	73	KH-THAC	Vietnamese
5	LAM TUẤN KHAI	P3	80-81	2	9			60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HUYỀN	P3	69-70	2	9			63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC VINH	P3	65	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
8	HOÀNG NAM HAI	P3	78-79	2	14			90	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TAM THỦY	P3	71	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
10	CAO HỮU PHƯỚC	P3	68	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRẦN GIANG NAM	P3	66	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG MANH CUONG	P3						64	KH-THAC	Vietnamese
13	SUHAI DI BIN SAMIRAN	AMD	21-22	2	13			81	BAB	Malaysian
14	PHẠM VĂN AN	AMD	31	1	5			68	DLJOC	Vietnamese
15	PHẠM TUẤN HÀ	AMD	25	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
16	TRƯƠNG THẾ HIẾN	AMD	34	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN TẤN TRÍ	AMD	30	1	5			62	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	26	1	7	3	60	70	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH NGŨ	AMD	27	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
20	YA LỘC	AMD	28-29	2	10			10	KH-THAC	Vietnamese
21	CHU HỮU CHÍNH	AMD	32	1	5			59	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HIẾN	AMD	23	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P3	12	849	14	78	6	84	3		
2	AMD	10	636	12	65	3	60	19		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.485</b>	<b>26</b>	<b>143</b>	<b>9</b>	<b>144</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.485</b>		<b>143</b>		<b>144</b>			

GRAND TOAL: 1.772 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHẠM THÁI SƠN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P4 - P6	CREW: HUNG - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/3189	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	MARZIEV M.M.	P4	82	1	3	5	100	82	KH-THAC	Russian
2	PODYMOV D.N.	P4	70	1	6			144	KH-THAC	Russian
3	TRINH VIET THANG	P4	80	1	9			83	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG NGOC TRUONG	P4	81	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOANG	P4	68	1	4			91	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU SY	P4	79	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐANG HONG VIET	P4	69	1	7			53	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGOC THANG	P4	63-65	3	20			85	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HOANG NGHIA	P4	83-85	3	17			65	KHI	Vietnamese
10	LAM VAN PHUC	P4	71	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THUONG	P4	77	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
12	MAI TIEN THANH	P4	75	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG KHAC DU	P4	66-67	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN CU	P4						59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH HAI	P4	72	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG THE ANH	P4	73	1	3			71	KH-THAC	Vietnamese
17	LAM XUAN HAI	P4	76	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUNG BAY	P4	74	1	8			71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH HAI	P4	78	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH NAM	P4	62	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAM LE DUONG	P4						72	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU THANH	P4						68	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	22	1.649	24	140	5	100	21		
2	P6	0	0	0	0	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.649</b>	<b>24</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>100</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.649</b>		<b>140</b>		<b>100</b>			

GRAND TOAL: 1.889 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 07:45
B.CARD: VANG-1	TO: P7 - VSP01	CREW: ATUẤN - VLINH	ETA: 09:35
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/3194	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI THẾ DIÊN	P7	12	1	5	3	50	68	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM NGỌC SƠN	P7						75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7						70	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐỨC	P7	06	1	7			92	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIẾN HIỆP	P7	10	1	9			68	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI CÔNG LAN	P7						67	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7						78	KH-THAC	Vietnamese
8	LÂM ĐĂNG GIANG	P7	11	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU NGUYỄN QUỐC HUY	P7	05	1	3			100	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN MINH	P7	07	1	12			84	T-TIN	Vietnamese
11	TRẦN BAO CHUÔNG	P7	08	1	10	1	12	67	T-TIN	Vietnamese
12	LÊ HOÀI THÀNH	P7	13	1	6			60	YTE	Vietnamese
13	ĐÀO TUẤN CHỦ	P7						68	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ MINH HỘI	VSP01	27	1	3			70	PSV	Vietnamese
15	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	28	1	5			71	PSV	Vietnamese
16	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP01	26	1	5			63	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	25	1	5			77	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P7	13	964	8	58	4	62	14		
2	VSP01	4	281	4	18	0	0	4		
TOTAL		17	1.245	12	76	4	62	18		
WEIGHT KG			1.245		76		62			

GRAND TOAL: 1.383 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN

TRỊNH VINH LINH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: P4 - P3	CREW: LINH - SON - TOAN	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/3186	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	LÊ HOANG PHỤNG	P4	54	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
2	HA XUÂN QUY	P4	47	1	9			71	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC QUANG	P4				2	24	74	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TÂM	P4	48	1	10			66	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	P4	50	1	5			62	PSV	Vietnamese
6	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4						78	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN TIẾN HỒNG	P4	51-52	2	11			52	PSV	Vietnamese
8	BUI ĐỨC ANH	P4	49	1	8			68	PSV	Vietnamese
9	PHAN SY HOAN	P4	53	1	6			67	PSV	Vietnamese
10	PHAN DUY LONG	P3	80-81	2	22	1	15	58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH HÙNG	P3	77	1	14	2	18	94	XAYLAP	Vietnamese
12	VU TUÂN ANH	P3	67-68	2	21	1	12	79	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH PHƯƠNG	P3	76	1	9			74	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN KHOA	P3	01-02	2	22			67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN ĐĂNG	P3	70-71	2	19			54	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN CẢNH THÔNG	P3	74-75	2	19			70	XAYLAP	Vietnamese
17	ĐINH SONG HAI	P3	69	1	13			58	YTE	Vietnamese
18	ĐỖ HOÀI NAM	P3	72	1	6			68	PSV	Vietnamese
19	BUI TRUNG SƠN	P3	78	1	7			72	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐĂNG NGỌC	P3	73	1	4			76	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TUÂN TU	P3	79	1	5			52	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	9	610	8	57	2	24	9		
2	P3	12	822	17	161	4	45	13		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.432</b>	<b>25</b>	<b>218</b>	<b>6</b>	<b>69</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.432</b>		<b>218</b>		<b>69</b>			

GRAND TOAL: 1.719 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

NGÔ VĂN LINH  
PHẠM THÁI SƠN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: VANG-2	TO:AMD - P5 - BK6	CREW: DƯƠNG - HTRUNG - MQUÂN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM25/3192	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN MANH CÂN	AMD	18	1	6	2	35	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRẦN QUỐC KHANG	AMD	12	1	10	1	11	68	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VIỆT THĂNG	AMD	16	1	8			70	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HUY	AMD	17	1	11			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HOANG	AMD	14-15	2	19			82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	57	1	6	2	40	74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P5	61	1	5			85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TUAN MINH	P5	53	1	4			82	KH-THAC	Vietnamese
9	TÔNG XUÂN SINH	P5	64	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN ĐÌNH TỬ	P5	60	1	3			80	KH-THAC	Vietnamese
11	LƯƠNG VĂN THANH	P5	56	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	52	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG ĐÌNH HUAN	P5	54	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ VIỆT LONG	P5	62-63	2	16			110	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH ĐỨC VƯƠNG	P5	51	1	12			74	XAYLAP	Vietnamese
16	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P5	55	1	4			63	YTE	Vietnamese
17	BUI VĂN QUÂN (1972)	P5	58	1	3			65	PSV	Vietnamese
18	ĐÀO XUÂN THANH	P5	59	1	4			68	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TUAN ĐẠT	BK6	14-15	2	7			87	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	AMD	5	351	6	54	3	46	2		
2	P5	13	972	14	85	2	40	19		
3	BK6	1	87	2	7	0	0	1		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.410</b>	<b>22</b>	<b>146</b>	<b>5</b>	<b>86</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.410</b>		<b>146</b>		<b>86</b>			

GRAND TOAL: 1.642 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

BUI HOANG DUONG   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: TD5 - CTK3 - CLO	CREW: HÙNG - MTHAO - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 07	VNHS FLIGHT: TM25/3190		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	SUSTAVOV V.S.	TD5	25	1	10	4	80	117	D-HANH	Russian
2	NGUYỄN NHƯ Ý	TD5						78	KHOAN	Vietnamese
3	BÀO NGUYỄN LỘC	TD5	06	1	7			59	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN HIẾN	TD5	08	1	6			77	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN LUẬN	TD5	09	1	4			61	KHOAN	Vietnamese
6	VĂN TUẤN DŨNG	TD5	12-13	2	10			67	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CHUNG	TD5	14	1	6			66	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN THỂ ĐĂNG	TD5	04-05	2	12			74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIẾN	TD5	30	1	3			66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH ỨNG	TD5	01-02	2	11			68	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	TD5	17-19	3	20			62	DMC-MI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TIẾN	TD5	26-27	2	19			64	DMC-MI	Vietnamese
13	NGÔ VĂN TRỌNG	TD5	20	1	10			59	DMC-MI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC THẮNG	TD5	22-23	2	15			56	DMC-MI	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH AN	TD5	10-11	2	13			58	ĐANG KIEM	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN	TD5	29	1	5			80	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	03	1	3			81	KHOAN	Vietnamese
18	HÀ THANH TÙNG	TD5	15-16	2	14			86	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN HUYNH LAM	TD5	07	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
20	LUƠNG NGỌC HOÀNG	TD5	21	1	8			75	DVL	Vietnamese
21	LÀ QUÝ DANH	TD5	28	1	11			60	DVL	Vietnamese
22	LÊ THANH TỰ	TD5	24	1	7			81	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	22	1.568	30	202	4	80	9		
2	CTK3	0	0	0	0	0	0	12		
3	CLO	0	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	1.568	30	202	4	80	22		
WEIGHT KG			1.568		202		80			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 10:05
B.CARD: TRANG-2	TO: TD5 - SAVR - RC5	CREW: ATUÁN - VLINH	ETA: 11:55
VSP FLIGHT: 08		VNHS FLIGHT: TM25/3195	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRẦN ĐẶC THĂNG	TD5	12	1	3	2	40	73	PSV	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH TÀI	TD5	09	1	12			69	LONG VŨ	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG TÂM	TD5	04	1	10			70	LONG VŨ	Vietnamese
4	NGÔ ĐỨC TUẤN	TD5	05-06	2	7			71	LONG VŨ	Vietnamese
5	PHẠM TIẾN ĐẠT	TD5	07-08	2	11			65	LONG VŨ	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH ĐIỀN	TD5	02-03	2	19			62	LONG VŨ	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH PHONG	TD5	01	1	9			68	LONG VŨ	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ SƠN	TD5	10-11	2	8			63	LONG VŨ	Vietnamese
9	VŨ TRUNG KIẾN	SAVR	59	1	14			75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN QUY	SAVR	60	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN AN NINH	SAVR	65	1	11			70	KH-THAC	Vietnamese
12	TẠ HỒNG QUÂN	SAVR	66	1	10			67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC HÙNG	SAVR	61-62	2	21			97	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỒNG QUÂN	SAVR	63-64	2	17	2	32	82	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HỒNG QUÂN	SAVR	58	1	6			71	CODIEN	Vietnamese
16	NGUYỄN THANH DANH	SAVR	56-57	2	14			55	CODIEN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	8	541	12	79	2	40	6		
2	SAVR	8	592	11	103	2	32	5		
3	RC5	0	0	0	0	1	11	8		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.133</b>	<b>23</b>	<b>182</b>	<b>5</b>	<b>83</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.133</b>		<b>182</b>		<b>83</b>			

GRAND TOAL: 1.398 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐOÀN ANH TUẤN  
TRỊNH VINH LINH



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO:MRM - P1	CREW: QVIỆT - N.ANH - VŨ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 09		VNHS FLIGHT: TM25/3187	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN MINH ĐẠT	MRM	61-62	2	16	1	24	78	DVL	Vietnamese
2	PHẠM VĂN CƯỜNG	MRM	59-60	2	20			85	DVL	Vietnamese
3	VŨ VĂN NAM	MRM	58	1	12			73	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN PHÚC MINH ĐĂNG	P1	29	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN THƯƠNG	P1	30	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
6	HỒ HỮU CHUNG	P1	19	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LUẬN	P1	21	1	13			64	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	24	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
9	DƯƠNG NGUYỄN LONG NHAN	P1	26	1	7			131	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	31	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
11	HỒ NGUYỄN KHÁNH DUY	P1	16	1	5			54	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	12	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
13	LE MINH HIỆU	P1	13	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
14	HOANG VAN HAO	P1	23	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	P1	27	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG VAN LINH	P1	25	1	15			60	YTE	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P1	22	1	7			75	PSV	Vietnamese
18	LE HỒNG MINH	P1	28	1	9			72	PSV	Vietnamese
19	DƯƠNG BA HÙNG	P1	20	1	5			70	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	P1	17-18	2	18			62	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN VŨ ĐÌNH DUY	P1	14-15	2	20			73	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	MRM	3	236	5	48	1	24	0		
2	P1	18	1.289	20	150	0	0	21		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.525</b>	<b>25</b>	<b>198</b>	<b>1</b>	<b>24</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.525</b>		<b>198</b>		<b>24</b>			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
NGHIÊM VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 620	ETD: 12:30
B.CARD: XANH-3	TO:TD1 - AMD	CREW: NAM - HHAI	ETA: 14:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/3176	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	Kg			
1	TRẦN TRUNG THÀNH	TD1	49-50	2	20			63	KHOAN	Vietnamese
2	ILIASHENKO D.A.	TD1	51	1	11			76	ANTOAN	Russian
3	TRẦN QUỐC VIỆT	AMD	05	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM VIỆT ĐỨC	AMD	09-10	2	13			77	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ QUANG VIỆT	AMD	13	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC THỤ	AMD	14	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH SONG	AMD	12	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯỜNG ĐỨC HÙNG	AMD	06	1	9			78	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ PHAN NGỌC CHÂU	AMD	11	1	6			87	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TÂN VƯƠNG	AMD	04	1	7			68	PSV	Vietnamese
11	PHẠM TUẤN THANH	AMD	07	1	5			79	PSV	Vietnamese
12	BUI VĂN QUỐC	AMD	15-16	2	12			64	PSV	Vietnamese
13	VÕ VĂN KHÔI	AMD	01	1	6			73	HA VIỆT	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN TUYẾN	AMD	02	1	9			71	HA VIỆT	Vietnamese
15	TRẦN VĂN CÔNG	AMD	08	1	7			82	HA VIỆT	Vietnamese
16	NGÔ VĂN QUANG	AMD	03	1	10			65	HA VIỆT	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD1	2	139	3	31	0	0	2		
2	AMD	14	1.004	16	108	0	0	16		
<b>TOTAL</b>		<b>16</b>	<b>1.143</b>	<b>19</b>	<b>139</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>18</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.143</b>		<b>139</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.282 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

TRẦN HỒNG NAM

ĐỖ HOÀNG HẢI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/08/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:00
B.CARD: CAM-4	TO: RC10 - RP2 - P2	CREW: VIỆT - N.ANH - VŨ	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 11		VNHS FLIGHT: TM25/3188	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN QUANG MINH	RP2	52	1	12			101	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN THÈ	RP2	40	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ ĐÌNH HOAN	RP2	47-48	2	13			68	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TUẤN	RP2	53	1	11			68	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN ĐỨC TÍNH	RP2	41-42	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẶNG TỎ HIỆU	RP2	49	1	13	1	12	78	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ANH DŨNG	RP2	54-55	2	19	2	17	82	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN PHU	RP2	45-46	2	20			78	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH CÔNG	RP2	43-44	2	20			80	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ TRỌNG HÙNG	RP2	50-51	2	20			73	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ QUANG NINH	P2						68	KHI	Vietnamese
12	TRƯƠNG TRỌNG THỊ	P2	68	1	5	4	28	72	T-TIN	Vietnamese
13	PHẠM VIỆT HỮU	P2	77	1	8	1	19	60	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG DANH	P2	71-72	2	17			77	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P2	73-74	2	18			69	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ XUÂN HỐI	P2	79	1	15			69	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P2	70	1	3	2	16	64	PSV	Vietnamese
18	BUI LONG HUNG	P2	75-76	2	19			68	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN CONG	P2	69	1	5			60	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC LINH	P2	80	1	6			68	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RC10	0	0	0	0	1	2	0	1	CHUYEN 1 PAX RC10-RP2
2	RP2	10	756	16	156	3	29	3		
3	P2	10	675	12	96	7	63	17		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.431</b>	<b>28</b>	<b>252</b>	<b>11</b>	<b>94</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.431</b>		<b>252</b>		<b>94</b>			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN QUANG VIỆT  
NGHIÊM VIỆT ANH

